

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Trụ sở chính: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3914 7799

Fax: 028 3914 4511

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên Chức danh: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 028 3914 7799 Ext: 126

Fax: 028 3914 4511

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2017 (gửi văn bản đính kèm) và công bố trên website của Công ty theo đường dẫn sau:

<http://vts.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-thuong-nien-nam-2017/vi-VN/26/115019/75.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

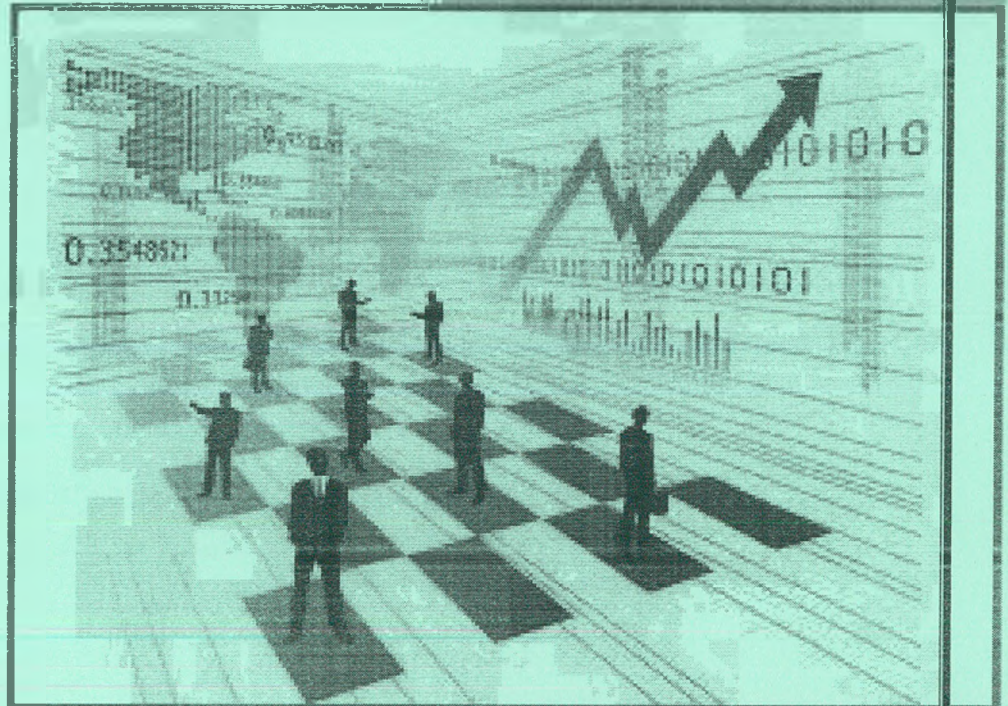


NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN



2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CTCP CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH	2
1.	Quá trình hình thành và phát triển.....	3
2.	Các lĩnh vực hoạt động của VTS.....	4
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
4.	Định hướng phát triển.....	5
5.	Rủi ro	6
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	6
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
2.	Tổ chức và nhân sự.....	7
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	9
4.	Tình hình tài chính.....	9
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	10
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	11
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	12
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	12
2.	Tình hình tài chính.....	12
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	12
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	12
5.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	13
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	13
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY.	14
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14

I. THÔNG TIN CTCP CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**
- Tên gọi tắt bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH**
- Tên tiếng Anh: **VIET THANH SECURITIES COMPANY**
- Tên viết tắt: **VTS**
- Địa chỉ: **Tầng 2, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 02 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**
- Điện thoại: **(84.28) 3914 7799 Hotline: (84.28) 3821 8686**
- Fax: **(84.28) 3914 4511**
- Email: vts@vts.com.vn
- Website: www.vts.com.vn
- Người đại diện theo pháp luật: **Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên** Chức danh: **Chủ tịch HĐQT**
- Người công bố thông tin: **Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên** Chức danh: **Tổng Giám đốc**
Email dùng để công bố thông tin: cbtt@vts.com.vn
- Giấy phép thành lập và hoạt động số: **84/UBCK-GPHĐKD** do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày **05/03/2008**.
- Nghiệp vụ kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán;
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - Các dịch vụ tư vấn được pháp luật cho phép khác.
- Mã số thuế: **0305544188**
- Vốn điều lệ (đến 31/12/2017): **70.000.000.000 đồng** (Bảy mươi tỷ đồng).

1. Quá trình hình thành và phát triển

1.1 Quá trình thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (Viet Thanh Securities Company - VTS) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 84/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/03/2008. Với vốn điều lệ ban đầu là 35 tỷ đồng, VTS đã thực hiện cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán và dịch vụ tư vấn chứng khoán cho các tổ chức và nhà đầu tư cá nhân chiến lược trong và ngoài nước.

1.2 Các sự kiện quan trọng:

- Ngày 16/05/2008, VTS là thành viên của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam với số đăng ký 089.
- Ngày 24/09/2008 Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (HSX) có quyết định chính thức công nhận tư cách thành viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành.
- Ngày 30/09/2008 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (số 45-47 Bến Chương Dương, Q. 1, Tp. HCM) diễn ra “Lễ trao quyết định và công nhận tư cách thành viên và chào mừng ngày giao dịch chính thức của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành - VTS”.
- Ngày 20/02/2009, VTS là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 59/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp.
- Ngày 03/06/2009, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định số 227/QĐ-TTGDHN chấp thuận cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành tham gia hệ thống giao dịch từ xa thị trường niêm yết của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 04/09/2009, VTS chính thức triển khai hệ thống giao dịch trên thị trường UPCoM căn cứ theo Quyết định số 504/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận thành viên Hệ thống đăng ký giao dịch UPCoM.
- Tháng 02/2010, VTS đã kết nối thành công giao dịch trực tuyến qua internet với HSX và được công nhận là thành viên giao dịch trực tuyến qua internet của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM ngày 04/03/2010.
- Năm 2010, VTS kết nối thành công giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 396/QĐ-SGDHN.
- Ngày 15/12/2010, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ Giao dịch Chứng khoán Trực tuyến cho VTS theo Quyết định 1059/QĐ-UBCK.
- VTS thay đổi trụ sở chính sang địa điểm: Lầu 12, Tòa nhà VTP, số 08 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM theo giấy phép điều chỉnh của UBCK số 14/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 04 năm 2013.
- Ngày 25/09/2015, Nâng vốn điều lệ lên 70.000.000.000 đồng (bảy mươi tỷ đồng).
- Tháng 06/2016: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ
- VTS thay đổi trụ sở chính sang địa điểm: Tầng 02, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 02 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép điều chỉnh của UBCK số 46/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2017.

2. Các lĩnh vực hoạt động của VTS

2.1 Ngành nghề kinh doanh

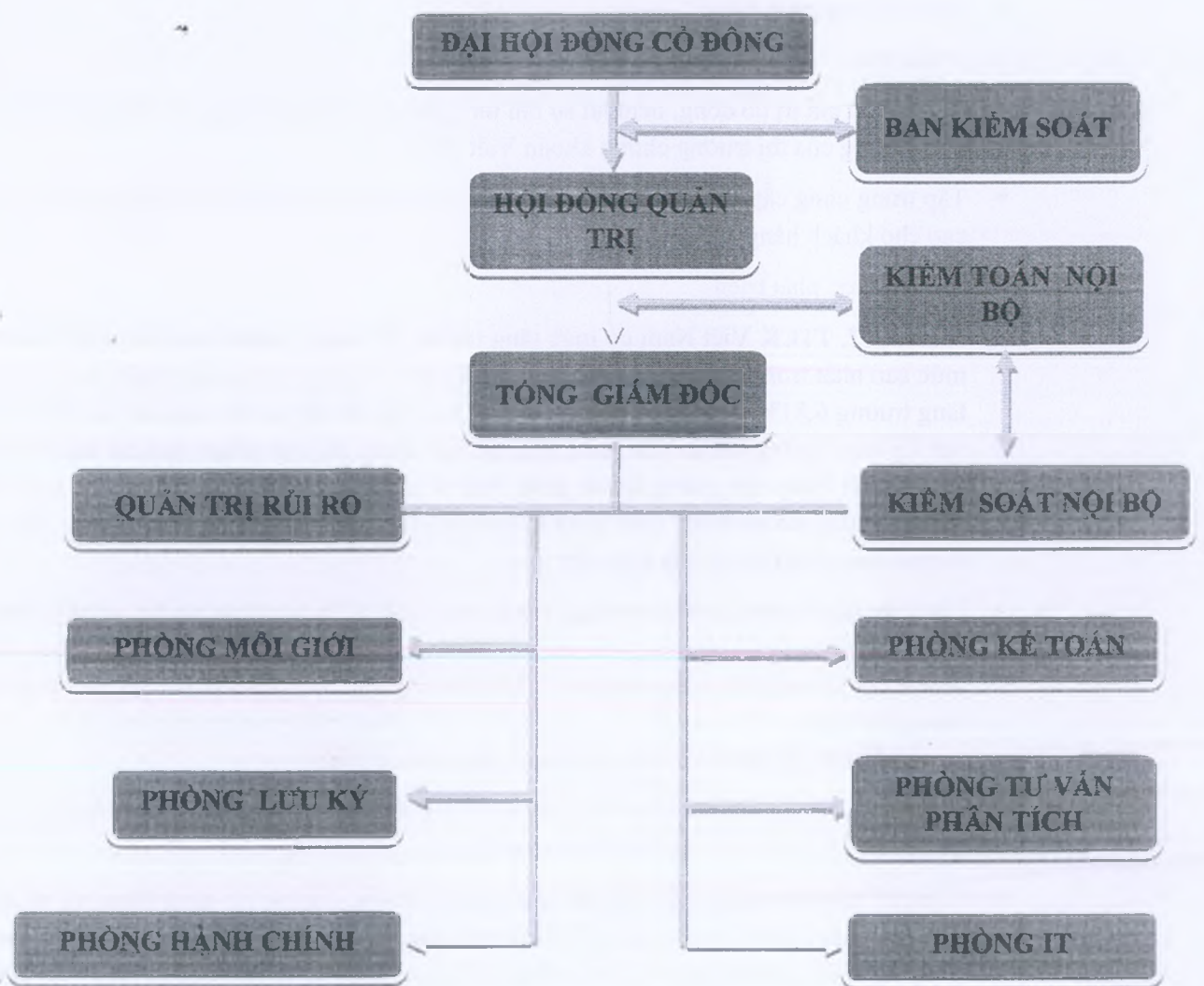
- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Dịch vụ tư vấn tài chính và các dịch vụ tài chính khác.

2.2 Địa bàn kinh doanh

Trụ sở hoạt động chính của công ty tọa lạc tại địa điểm: Tầng 02, Tòa nhà Mê Linh Point, Số 02 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu tổ chức VTS



- **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Ngọc Tranh: Thành viên Hội đồng quản trị
- Ông Mai Thành Chương: Thành viên Hội đồng quản trị

- **BAN ĐIỀU HÀNH**

- Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên: Tổng Giám đốc

- **BAN KIỂM SOÁT**

- Bà Phạm Thị Thu Hà: Trưởng ban kiểm soát
- Bà Lý Thụy Quế Trân: Thành viên ban kiểm soát
- Ông Trần Thế Minh Quân: Thành viên ban kiểm soát

4. Định hướng phát triển

4.1 Mục tiêu

- Tối đa hóa giá trị cổ đông, đem lại sự hài lòng cho khách hàng cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Tập trung cung cấp các dịch vụ và sản phẩm tài chính tốt nhất nhằm đem đến hiệu quả đầu tư cao cho khách hàng VTS.

4.2 Chiến lược phát triển

- Năm 2017, TTCK Việt Nam có mức tăng trưởng ấn tượng, chinh phục mức 990 điểm và đạt mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Nền kinh tế vĩ mô có nhiều cải thiện tích cực khi GDP tăng trưởng 6,81%, vượt mục tiêu 6,7% mà Quốc hội đã đề ra, bên cạnh đó Bộ Tài chính cùng với Ủy ban Chứng khoán nhà nước tiếp tục xây dựng các sản phẩm mới tại thị trường chứng khoán Việt Nam như chứng khoán phái sinh và chứng quyền bảo đảm. Vì vậy, triển vọng thị trường chứng khoán trong năm 2018 sẽ vẫn tích cực, ít nhất là trong 6 tháng đầu năm 2018 và có thể điều chỉnh trong nửa năm còn lại.
- Dựa trên định hướng của thị trường trong năm 2018, VTS xác định nhiệm vụ xây dựng nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, có chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm chuyên nghiệp. Song song đó, VTS đặt trọng tâm củng cố hoạt động kinh doanh dựa vào mảng Môi giới và Tư vấn đầu tư trong năm 2018. Phát triển và cung cấp các dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư tài chính tốt nhất cho khách hàng của công ty.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Công ty luôn chú trọng đến vấn đề bảo vệ môi trường, hướng tới cộng đồng và xã hội thông qua các hoạt động từ thiện tại một số địa phương, hỗ trợ đồng bào gặp thiên tai, hoạn nạn và thực hiện các ý tưởng bảo vệ môi trường thông qua hoạt động dọn dẹp vệ sinh môi trường.
- Công ty cũng gia tăng ý thức của cán bộ nhân viên thông qua việc phân loại rác thải tại nơi làm việc, cũng như tổ chức những buổi trao đổi về các ý tưởng bảo vệ môi trường.

5. *Rủi ro*

5.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi giá trị tài sản mà VTS đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Sự thay đổi của tỷ giá, biến động lãi suất và sức khỏe nền kinh tế sẽ ảnh hưởng trực tiếp lên tài sản của Công ty. Do đó để hạn chế rủi ro thị trường, VTS thường xuyên theo dõi và đánh giá tình hình biến động của nền kinh tế, các chỉ tiêu kinh tế trong và ngoài nước, phân tích SWOT...

5.2 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn. Để hạn chế rủi ro thanh khoản, VTS xây dựng quy trình nhằm theo dõi và kiểm soát chặt chẽ các nghĩa vụ thanh toán hàng tháng.

5.3 *Rủi ro thanh toán*

Rủi ro thanh toán là rủi ro xảy ra khi đối tác, khách hàng không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. VTS thường xuyên có những đánh giá về tài sản khách hàng, đối tác để đảm bảo các đối tác đáp ứng đầy đủ khả năng thanh toán.

5.4 *Rủi ro hoạt động*

Rủi ro hoạt động là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc do thiếu vốn kinh doanh hoặc do các nguyên nhân khách quan khác. Nhằm hạn chế những rủi ro trong hoạt động, VTS thường xuyên tổ chức những buổi họp, những buổi huấn luyện nhằm phổ biến quy trình nghiệp vụ cho nhân viên cũng như nâng cao trình độ của nhân viên.

5.5 *Rủi ro pháp lý*

Rủi ro pháp lý là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh. VTS đã thành lập bộ phận quản trị rủi ro, ban hành chính sách rủi ro và quy trình quản trị rủi ro để phát hiện và khắc phục kịp thời các rủi ro có thể xảy ra.

II. **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Trong năm, công ty đã phát triển các sản phẩm vay nhằm đáp ứng nhu cầu nhà đầu tư cũng như thu hút khách hàng mới; đồng thời nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên của công ty. Kết quả đạt được là tình hình kinh doanh có sự cải thiện tích cực, với doanh thu và lợi nhuận sau thuế trong năm 2017 tăng trưởng lần lượt là 4,2% và 9,7% so với kết quả trong năm 2016, cụ thể:

- Doanh thu Môi giới đạt 90% so với kế hoạch và bằng 99,9% so với tình hình thực hiện trong năm 2016.
- Doanh thu khác tăng 22% so với thực hiện trong năm 2016 và vượt 11% so với kế hoạch đề ra.

Tình hình hoạt động kinh doanh của VTS năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện so với Kế hoạch	Năm 2017 so với năm 2016
Tổng tài sản	74,479,244,037		76,159,866,444		102.26%
Tài sản ngắn hạn	69,393,910,745		70,227,996,642		101.20%
Tài sản dài hạn	5,085,333,292		5,931,869,802		116.65%
Tổng nguồn vốn	74,479,244,037		76,159,866,444		102.26%
Tổng Nợ phải trả	1,094,195,612		790,739,494		72.27%
Vốn chủ sở hữu	73,385,048,425		75,369,126,950		102.70%
Doanh thu thuần	14,031,937,344		14,619,728,307		104.19%
Doanh thu Môi giới	11,290,485,900	12,500,000,000	11,274,995,435	90%	99.86%
Doanh thu khác	2,741,451,444	3,000,000,000	3,344,732,872	111%	122.01%
Lợi nhuận trước thuế	2,261,603,735	2,500,000,000	2,480,098,202	99%	109.66%
Lợi nhuận sau thuế	1,809,282,988		1,984,078,525		109.66%

Nguyên nhân biến động:

Do nhà đầu tư tập trung đầu tư vào những mã ít biến động so với thị trường nên doanh thu môi giới sụt giảm nhẹ trong năm 2017 so với cùng kỳ 2016, cụ thể giảm nhẹ 0,14% so với cùng kỳ. Tuy nhiên hoạt động cho vay ký quỹ và hoạt động tư vấn tích cực được đẩy mạnh nên doanh thu tăng trưởng 11% so với thực hiện trong năm 2016. Mặt khác, tổng chi phí trong kỳ chỉ tăng nhẹ 2,97% trong khi tổng doanh thu tăng tới 4,19% nên lợi nhuận sau thuế của công ty đã tăng trưởng đến 9.66% so với năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự**2.1 Danh sách Ban điều hành:**

Tóm tắt lý lịch của cá nhân trong Ban điều hành

BÀ NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN: TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh: 20/01/1981

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam.

Số chứng minh nhân dân: 025941659, ngày cấp: 05/03/2015, nơi cấp: CA. TP Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3V10-02 Khu phố Sky Garden 3-R1-3 Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Chỗ ở hiện tại: 3V10-02 Khu phố Sky Garden 3-R1-3 Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – ngân hàng

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
2003 - 2005	Công ty Sản xuất và xuất nhập khẩu Bình Dương	Bộ phận tài chính
2006 - 2012	Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Việt Thành	Giám đốc điều hành
2013 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	Tổng giám đốc

ÔNG PHẠM VĂN HÙNG: KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm sinh: 11/01/1975

Nơi sinh: Tp.Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Số chứng minh nhân dân: 022932807, ngày cấp: 01/12/2005, nơi cấp: CA. TP Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2 Trương Công Định, P.14, Q.Tân Bình, Tp.HCM

Chỗ ở hiện tại: 2 Trương Công Định, P.14, Q.Tân Bình, Tp.HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
1998 - 2000	Công ty TNHH SXTM Lộc Hưng Thịnh	Kế toán tổng hợp
2000 - 2006	Công ty CP Việt Á Châu	Kế toán trưởng
2006 - 2015	Công ty CP Bột Mì Thủ Đức	Kế toán trưởng

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên: 23 người.

2.3 Tóm tắt chính sách.

- **Về tiền lương**

Công ty xây dựng quy chế lương riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù hoạt động của Công ty phù hợp quy định của pháp luật. Chính sách lương, thưởng đảm bảo khuyến khích sự đóng góp của người lao động vào hiệu quả hoạt động của toàn Công ty.

- **Về chính sách đào tạo**

Công ty thực hiện chế độ đào tạo cho CBCNV về chứng chỉ hành nghề chứng khoán. Bên cạnh đó, hỗ trợ chi phí đào tạo chuyên môn, nâng cao năng lực của nhân viên trong từng bộ phận.

- **Về chế độ làm việc**

Tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 08 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ Tết, ốm, thai sản tuân theo đúng quy định của Luật lao động.

- **Về chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội**

Tất cả nhân viên chính thức của VTS được hưởng các chế độ cấp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phù hợp Luật lao động. Ngoài ra, tùy các lĩnh vực mà nhân viên VTS còn nhận được các phụ cấp khác như: phụ cấp chuyên môn, phụ cấp công việc...

- **Về phúc lợi:**

Chính sách khen thưởng cho nhân viên VTS được dựa trên cơ sở gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng trong công việc của từng cá nhân.

Theo quy định chung, VTS có các chế độ cơ bản như: lương tháng 13, lương hoàn thành công việc, khen thưởng cho cá nhân xuất sắc, thưởng trong các dịp lễ Tết...

Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Không

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm công ty không thực hiện khoản đầu tư lớn nào.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Không có.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	74,479,244,037	76,159,866,444	2.3%
Doanh thu thuần	14,031,937,344	14,619,728,307	4.2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,261,603,735	2,480,098,202	9.7%
Lợi nhuận khác	-	-	
Lợi nhuận trước thuế	2,261,603,735	2,480,098,202	9.7%
Lợi nhuận sau thuế	1,809,282,988	1,984,078,525	9.7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	63	89	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	63	89	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1.47%	1.49%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.04%	1.05%	
3. Chỉ tiêu về năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	12.9%	13.6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	2,47%	2.63%	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	2,43%	2.61%	
4. Chỉ tiêu an toàn tài chính			
+ Tổng giá trị rủi ro thị trường			
+ Tổng giá trị rủi ro thanh toán	4.512.960.000	24,667,720	
+ Tổng giá trị rủi ro hoạt động	14.000.000.000	14.000.000.000	
+ Tổng giá trị rủi ro	18.512.960.000	14,024,667,720	
+ Vốn khả dụng	68.287.075.253	69,380,622,155	
+ Tỷ lệ vốn khả dụng	369%	495%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 7.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 7.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông: phân theo các tiêu chí.

- Tỷ lệ sở hữu cổ đông lớn: 95,1% và cổ đông nhỏ: 4,9%;
- Cổ đông tổ chức: 28,3% và cổ đông cá nhân: 71,7%;
- Cổ đông trong nước: 100% và cổ đông nước ngoài: 0%;
- Cổ đông nhà nước: 0% và các cổ đông khác: 100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: công ty không bị xử phạt về luật pháp và các quy định về môi trường.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.2 Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động: 23 người, mức lương trung bình đối với người lao động đạt gần 14 triệu đồng/nhân viên.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
 - Công ty luôn tuân thủ quy định về giờ làm việc theo luật lao động, nhân viên được nghỉ 1 tiếng buổi trưa, ngày lễ, cuối tuần và có 12 ngày phép/năm.
 - Công ty có chính sách khuyến khích người lao động bằng những khoản tiền thưởng theo năng lực, lương tháng 13, tiền thưởng lễ, tết và phụ cấp.
 - Hằng năm, công ty còn tổ chức 1-2 chuyến du lịch nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết và giúp nhân viên xua tan mệt nhọc trong công việc.

6.3 Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

	Cấp quản lý	Cấp nhân viên
Số lượng	7	16
Số giờ đào tạo	20h/năm	14h/năm

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: công ty có chính sách tạm ứng học phí cho nhân viên học những khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, ngoài ra, công ty còn sắp xếp thời gian phù hợp để nhân viên có thể tham dự những buổi hội thảo do Sở giao dịch và cơ quan ban ngành tổ chức.

6.4 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Phương châm của công ty là “Sự phát triển kinh doanh phải luôn gắn kết trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội”, do đó công ty luôn tích cực tham gia ủng hộ các hoạt động, phong trào phát triển cộng đồng tại Địa phương nơi Công ty đặt trụ sở tổ chức

6.5 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

VTS không phải báo cáo thông tin này.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

Công ty vẫn tập trung nguồn lực chính vào sự phát triển của hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động tư vấn. Tuy nhiên do nhà đầu tư tập trung đầu tư vào những mã ít biến động so với thị trường nên doanh thu môi giới sụt giảm nhẹ trong năm 2017 so với cùng kỳ 2016, cụ thể giảm nhẹ 0,14% so với năm 2016. Tuy nhiên, hoạt động cho vay ký quỹ và hoạt động tư vấn tích cực được đẩy mạnh nên doanh thu tăng trưởng 11% so với thực hiện trong năm 2016. Mặt khác, tổng chi phí trong kỳ chỉ tăng nhẹ 2,97% trong khi tổng doanh thu tăng tới 4,19% nên lợi nhuận sau thuế của công ty đã tăng trưởng đến 9.66% so với năm 2016.

2. *Tình hình tài chính*

2.1 *Tình hình tài sản*

Năm 2016 tổng tài sản của Công ty là 76,159,866,444 đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn đạt 70,327,996,642 đồng, chiếm 92.34% trong tổng tài sản. Tài sản dài hạn là 5,831,869,802 đồng, chiếm 7,66 % trên tổng tài sản. Trong năm 2016, công ty không phát sinh nợ xấu nào cũng như tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

2.2 *Tình hình nợ phải trả*

Trong năm 2016, khoản nợ phải trả của công ty là 790,739,494 đồng, chiếm 1,04% so với tổng nguồn vốn và không có nợ quá hạn.

Các khoản nợ phải trả của công ty không có các khoản vay từ bên ngoài, do đó công ty không chịu ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái lẫn biến động lãi suất.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.*

Trong năm 2017, công ty đã ban hành, sửa đổi, bổ sung các chính sách, quy trình hướng dẫn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu của pháp luật hiện hành và phù hợp với tổ chức hoạt động kinh doanh của công ty. Mặt khác, công ty cũng đã hoàn thiện việc nâng cấp và thay đổi hệ thống giao dịch mới, cũng như cải tiến sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư và người sử dụng.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Công ty theo kế hoạch phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.
- Hoàn thành các quy chế, quy trình nghiệp vụ nhằm tăng cường hiệu quả cho hoạt động kinh doanh và giảm thiểu rủi ro cho Công ty.
- Nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm thích ứng với các sản phẩm mới của thị trường, cũng như những biến động của thị trường.
- Tham gia vào công tác triển khai những sản phẩm mới để tối ưu hóa danh mục đầu tư cho khách hàng như: chứng quyền, giao dịch trong ngày,...

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- 5.1 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- Mức lương trung bình đối với người lao động đạt gần 14 triệu đồng/nhân viên.
 - Công ty luôn tuân thủ quy định về giờ làm việc theo luật lao động, nhân viên được nghỉ 1 tiếng buổi trưa, thứ bảy, chủ nhật và có 12 ngày phép/năm.
 - Công ty có chính sách khuyến khích người lao động bằng những khoản tiền thưởng theo năng lực, lương tháng 13.
 - Tổng chi phí cho người lao động tham gia nghỉ mát năm 2017: 16.570.000 đồng/ người

5.2 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Năm 2017, Công ty đã chấp hành đầy đủ các quy định của địa phương nơi đặt trụ sở làm việc, đồng thời thực hiện tốt các hoạt động xã hội cộng đồng và trách nhiệm với công tác an sinh xã hội.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Với những nỗ lực của Chính phủ, Bộ tài chính cũng như Ủy ban Chứng khoán nhà nước, trong việc tái cấu trúc Thị trường chứng khoán, cộng với những tín hiệu hồi phục tích cực của nền kinh tế, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2017 khá sôi động, tuy nhiên độ phân hóa khá cao cùng với việc thị phần của công ty bị suy giảm nên Doanh thu của công ty chỉ tăng nhẹ 4,19% đạt 14,6 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế 2017 đạt 1,98 tỷ đồng, tăng trưởng 9.66%.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ- HĐQT/2017	14/02/2017	Trình lên ĐHĐCĐ các vấn đề sau: <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình hoạt động kinh doanh 2016 - Kế hoạch kinh doanh 2017 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016 - Sửa đổi Điều lệ Công ty - Thay đổi Thành viên Ban kiểm soát - Kế hoạch tăng vốn điều lệ - Lựa chọn đơn vị kiểm toán 2017
2	02/NQ- HĐQT/2017	05/05/2017	Trình lên ĐHĐCĐ các vấn đề sau: <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi Kiểm toán nội bộ của Công ty - Thay đổi trụ sở chính của Công ty
3	03/NQ- HĐQT/2017	08/11/2017	Tạm dừng kế hoạch tăng vốn điều lệ đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2018

- Hoàn thành kế hoạch kinh doanh của Công ty theo kế hoạch phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.
- Chi đạo, giám sát kịp thời đối với Ban Giám đốc để đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện đầy đủ và chính xác.
- Phát triển chính sách lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó đoàn kết giữa các nhân viên trong Công ty.

Trách nhiệm môi trường và xã hội

Hội đồng quản trị đánh giá công ty đã tích cực trong việc tham gia các hoạt động về môi trường và xã hội do địa phương phát động, cũng như những hoạt động và phong trào do Ủy ban chứng khoán nhà nước và các Sở giao dịch phát động. Hội đồng quản trị cũng đánh giá cao những thay đổi về nhận thức của đội ngũ cán bộ môi trường trong việc gìn giữ môi trường làm việc và tham gia các hoạt động xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

VTS không phải là công ty niêm yết.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.3 Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã

xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016-TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

5.4 Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà M&L Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.327.996.642	69.393.910.745
1. Tài sản tài chính	110		70.171.361.649	69.381.270.865
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1	26.948.188.400	13.316.619.658
1.1 Tiền	111.1		26.948.188.400	13.316.619.658
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112		-	-
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	200.000.000
4. Các khoản cho vay	114	VI.3	42.969.000.000	55.862.000.000
5. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	-
7. Các khoản phải thu	117		150.449.892	-
7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		-	-
7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		150.449.892	-
7.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	VI.4	150.449.892	-
8. Trả trước cho người bán	118	VI.5	100.000.000	-
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		-	-
10. Phải thu nội bộ	120		-	-
11. Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122		3.723.357	2.651.207
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129		-	-
11. Tài sản ngắn hạn khác	130		156.634.993	12.639.880
1. Tạm ứng	131		-	-
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.6a	156.634.993	12.639.880
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		-	-
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	-
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		-	-
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.831.869.802	5.085.333.292
1. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
1. Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2 Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4 Đầu tư dài hạn khác	212.4		-	-
3. Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	-
II. Tài sản cố định	220		932.784.481	876.433.454
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	411.035.465	683.933.445
- Nguyên giá	222		3.640.386.080	3.742.137.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(3.429.350.613)	(3.058.193.785)
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226a		-	-
- Đánh giá TSCĐTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.8	521.749.016	192.500.009
- Nguyên giá	228		3.160.519.500	2.566.646.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2.638.770.484)	(2.374.145.991)
- Đánh giá TSCĐVH theo giá trị hợp lý	229b		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232a		-	-
- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	VI.9	-	444.039.000
V. Tài sản dài hạn khác	250		4.899.085.321	3.764.860.838
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.10	438.372.000	351.172.928
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.6b	561.318.402	193.521.743
3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	253		-	-
4. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	VI.11	3.899.394.919	3.220.166.167
5. Tài sản dài hạn khác	255		-	-
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		76.159.866.444	74.479.244.037

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo (ình hình tài chính (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		790.739.494	1.094.195.612
I. Nợ phải trả ngắn hạn		310		790.739.494	1.094.195.612
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		311		-	-
1.1 Vay ngắn hạn		312		-	-
1.2 Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		313		-	-
2. Vay tài sản tài chính ngắn hạn		314		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn - Cấu phần nợ		315		-	-
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn		316		-	-
5. Vay Quỹ hỗ trợ thanh toán		317		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		318		-	-
7. Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính		319		-	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn		320	VI.12	182.499.999	431.751.999
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		321		-	-
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		322	VI.13	302.887.262	325.913.515
11. Phải trả người lao động		323		4.749.015	-
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn		325	VI.14	227.199.155	303.903.675
14. Phải trả nội bộ ngắn hạn		326		-	-
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		328		-	-
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn		329	VI.15	73.404.063	32.626.423
18. Dự phòng phải trả ngắn hạn		330		-	-
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		331		-	-
20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		332		-	-
II. Nợ phải trả dài hạn		340		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		341		-	-
1.1 Vay dài hạn		342		-	-
1.2 Nợ thuê tài chính dài hạn		343		-	-
2. Vay tài sản tài chính dài hạn		344		-	-
3. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn - Cấu phần nợ		345		-	-
4. Trái phiếu phát hành dài hạn		346		-	-
5. Phải trả người bán dài hạn		347		-	-
6. Người mua trả tiền trước dài hạn		348		-	-
7. Chi phí phải trả dài hạn		349		-	-
8. Phải trả nội bộ dài hạn		350		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		351		-	-
10. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		352		-	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn		353		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		354		-	-
13. Quỹ bảo vệ nhà đầu tư		355		-	-
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		356		-	-
15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		357		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà M&L Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75.369.126.950	73.385.048.425
I. Vốn chủ sở hữu	410		75.369.126.950	73.385.048.425
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.16	70.000.000.000	70.000.000.000
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		70.000.000.000	70.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>70.000.000.000</i>	<i>70.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411.1b</i>		-	-
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	411.3		-	-
1.4 Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5 Cổ phiếu quỹ	411.5		-	-
2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	VI.16	5.369.126.950	3.385.048.425
7.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		5.369.126.950	3.385.048.425
7.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		76.159.866.444	74.479.244.037

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

9

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số lượng chứng khoán	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			-	-
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		-	-
7. Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		-	-
9. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		-	-
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		-	-
11. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	011		-	-
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		-	-
13. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	013		-	-
B - TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
			<i>Số lượng chứng khoán</i>	
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	VI.17	171.642.903	166.666.664
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		44.194.154	46.632.464
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		113.600.594	106.646.180
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		13.529.815	13.234.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		318.340	154.020
f. Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	VI.18	44.652	45.132
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		44.652	44.660
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	472
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
d. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
4. Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	024.a		-	-
5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b		-	-
6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

10

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mè Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

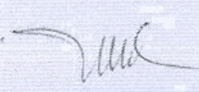
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

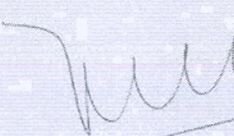
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

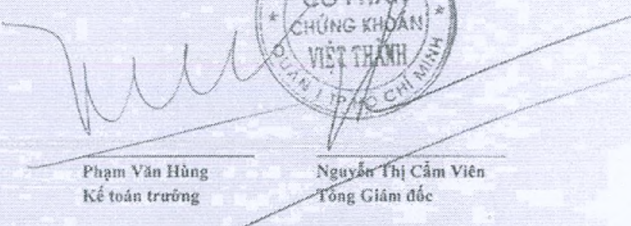
Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm
			Đồng Việt Nam	Đồng Việt Nam	
7. Tiền gửi của khách hàng	026	VI.19	9.677.308.024	2.629.322.792	
7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		3.851.166.524	1.195.210.992	
7.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	-	
7.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		5.826.141.500	1.434.111.800	
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		5.826.141.500	1.434.111.800	
<i>Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	029.2		-	-	
7.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		-	-	
8 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	VI.20	9.677.308.024	2.629.322.792	
8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		9.677.308.024	2.629.322.792	
8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		-	-	
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	-	
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	033		-	-	
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	034		-	-	
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		-	-	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2018


 Mai Thị Vân
 Người lập biểu


 Phạm Văn Hùng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Cẩm Viên
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		-	-
a Lãi bán các tài sản tài chính PVTP	01.1		-	-
b Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC PVTP	01.2		-	-
c Có tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTP	01.3		-	-
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		-	-
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VII.1	2.243.332.140	1.797.834.924
1.4 Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
1.5 Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VII.2	11.274.995.435	11.290.485.900
1.7 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.8 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	-
1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VII.2	846.797.717	745.205.879
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	-
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11	VII.2	7.114.212	5.559.253
Cộng doanh thu hoạt động	20		14.372.239.504	13.839.085.956
2. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		6.600.000	-
a Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VII.3	6.600.000	-
b Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2		-	-
c Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		-	-
2.2 Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3 Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	-
2.5 Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VII.3	2.426.866.937	3.836.635.050
2.8 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		-	-
2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VII.3	898.828.967	810.608.458
2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12 Chi phí các dịch vụ khác	32		-	-
Cộng chi phí hoạt động	40		3.332.295.904	4.647.243.508

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

12

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VII.4	247.488.803	192.851.388
3.3 Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4 Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		247.488.803	192.851.388
4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2 Chi phí lãi vay	52		-	-
4.3 Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5 Chi phí tài chính khác	55		-	-
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
5. CHI PHÍ BÀN HÀNG	61		-	-
6. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VII.5	8.807.334.201	7.123.090.101
7. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		2.480.098.202	2.261.603.735
8. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		-	-
8.2 Chi phí khác	72		-	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		-	-
9. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		2.480.098.202	2.261.603.735
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		2.480.098.202	2.261.603.735
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
10. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		496.019.677	452.320.747
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.13	496.019.677	452.320.747
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
11. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		1.984.078.525	1.809.282.988

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

13

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
12. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		-	-
12.2 Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3 Lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4 Lãi, lỗ toàn diện khác	304		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		1.984.078.525	1.809.282.988
13. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500	VI 6	283	258
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		283	258
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2018

Mai Thị Vân
Người lập biểu

Phạm Văn Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Me Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		2.480.098.202	2.261.603.735
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		635.781.323	359.632.125
- Khấu hao tài sản cố định	03	VI.7, VI.8	635.781.323	359.632.125
- Các khoản dự phòng	04		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	-
- Dự thu tiền lãn	08		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
3. Tăng các chi phí tiền tệ	10		-	-
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay	13		-	-
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	14		-	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT	15		-	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16		-	-
- Lỗ khác	17		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	-
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		-	-
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	20		-	-
- Lãi khác	21		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

15

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		3.115.879.525	2.621.235.860
- Tăng, giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		-	-
- Tăng, giảm Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		200.000.000	(200.000.000)
- Tăng, giảm Các khoản cho vay	33	VI.3	12.893.000.000	(55.862.000.000)
- Tăng, giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		-	-
- Tăng, giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	-
- Tăng, giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	VI.4	(150.449.892)	136.444.444
- Tăng, giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		-	49.271.870
- Tăng, giảm các khoản phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải thu khác	39		(867.499.974)	(962.665.337)
- Tăng, giảm các tài sản khác	40		-	-
- Tăng, giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	VI.14	(76.704.520)	(128.820.967)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	42	VI.6	(511.791.772)	(24.933.593)
- Thuế TNDN đã nộp	43	VI.13	(596.466.916)	(396.806.402)
- Lãi vay đã trả	44		-	-
- Tăng, giảm phải trả cho người bán	45		(183.342.000)	(78.819.991)
- Tăng, giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	-
- Tăng, giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	VI.13	77.420.986	(105.608.060)
- Tăng, giảm phải trả người lao động	48		4.749.015	-
- Tăng, giảm phải trả về lỗi giao dịch các TSTC	49		-	-
- Tăng, giảm phải trả, phải nộp khác	50	VI.15	40.777.640	(50.364.810)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		13.945.572.092	(55.003.066.986)
11. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(314.003.350)	(594.324.349)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	-
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		-	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(314.003.350)	(594.324.349)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	71		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành	72		-	-
3. Tiền vay gốc	73		-	-
- Tiền vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	73.1		-	-
- Tiền vay khác	73.2		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	74.1		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay tài sản tài chính	74.2		-	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay khác	74.3		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	75		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	(3.500.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	80		-	<i>(3.500.000.000)</i>
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm				
	90		13.631.568.742	(59.097.391.335)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm				
- Tiền	101	VI.1	13.316.619.658	72.414.010.993
- Các khoản tương đương tiền	101.1		13.316.619.658	25.414.010.993
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	101.2		-	47.000.000.000
	102		-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm				
- Tiền	103	VI.1	26.948.188.400	13.316.619.658
- Các khoản tương đương tiền	103.1		26.948.188.400	13.316.619.658
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	103.2		-	-
	104		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

17

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bờ Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
PHIẢN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG				
1. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		8.473.771.781.346	10.514.832.693.555
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(8.466.723.796.114)	(10.515.943.834.729)
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	51.827.448
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		-	-
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		-	-
9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		-	-
10. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	10		-	-
11. Thu lãi giao dịch chứng khoán	11		-	-
12. Chi lãi giao dịch chứng khoán	12		-	-
13. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	13		-	-
14. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	14		-	-
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>	20		<u>7.047.985.232</u>	<u>(1.059.313.726)</u>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

18

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mè Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		2.629.322.792	3.688.636.518
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31		2.629.322.792	3.688.636.518
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		1.195.210.992	1.551.548.518
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		-	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		1.434.111.800	2.137.088.000
Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		-	-
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
Các khoản tương đương tiền	36		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40		9.677.308.024	2.629.322.792
Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41		9.677.308.024	2.629.322.792
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		3.851.166.534	1.195.210.992
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		5.826.141.500	1.434.111.800
Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		-	-
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-

8.4 TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2018

Mai Thị Vân
Người lập biểu

Phạm Văn Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
 Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà 166 Linh Đàm, số 3 Ngõ Dục Kù, phường Linh Đàm, Quận 1, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thời điểm	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm			Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Tiền	Chênh lệch		Năm trước	Năm nay
					Tăng	Giảm		
1. Biến động vốn chủ sở hữu		78.875.765.413	73.185.645.425	1.809.282.988	(1.500.000.000)	1.984.078.523	73.185.645.425	75.569.176.956
1. Vốn chủ sở hữu chủ sở hữu	VL18	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-	-	70.000.000.000	70.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		70.000.000.000	70.000.000.000	-	-	-	70.000.000.000	70.000.000.000
1.2. Cổ phiếu ưu đãi		-	-	-	-	-	-	-
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-
1.4. Quyết định chuyển đổi trái phiếu - Cổ phần vào		-	-	-	-	-	-	-
1.5. Vốn hùn, vốn thuê và đầu tư		-	-	-	-	-	-	-
2. Các khoản quỹ		-	-	-	-	-	-	-
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	-	-	-	-	-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và dự phòng nghiệp vụ		-	-	-	-	-	-	-
5. Chế độ kế hoạch dự phòng tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-	-	-	-	-
6. Chế độ kế hoạch dự phòng chi phí		-	-	-	-	-	-	-
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	VL16	5.075.765.413	3.385.645.425	1.809.282.988	(1.500.000.000)	1.984.078.523	3.385.645.425	3.769.176.956
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		5.075.765.413	1.185.645.425	1.809.282.988	(1.500.000.000)	1.984.078.523	1.185.645.425	6.509.176.956
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	-	-	-
9. Thay nhập biến động khác		-	-	-	-	-	-	-
1.1. Lãi từ đánh giá lại các TSTC của công ty		-	-	-	-	-	-	-
1.2. Lãi từ đánh giá lại TB theo phương pháp trị hợp lý		-	-	-	-	-	-	-
1.3. Lãi từ đánh giá lại giá các hoạt động tài chính và		-	-	-	-	-	-	-
1.4. Lãi từ toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-
Tổng		78.875.765.413	73.185.645.425	1.809.282.988	(1.500.000.000)	1.984.078.523	73.185.645.425	75.569.176.956

Mai Thị Văn
 Người lập báo

Phạm Văn Hùng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Cẩm Vân
 Tổng Giám đốc

Tất cả các số phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

8 100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Giấy phép thành lập và hoạt động**
Công ty hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 84/UBCK – GPHĐKD ngày 05 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.
2. **Địa chỉ liên hệ**
Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
3. **Điều lệ hoạt động**
Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 4 tháng 4 năm 2007 và sửa đổi bổ sung ngày 30 tháng 6 năm 2015.
4. **Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty**
 - Quy mô vốn của Công ty: 70.000.000.000 VND.
 - Mục tiêu hoạt động: không ngừng tìm kiếm các cơ hội phát triển kinh doanh chứng khoán nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông của Công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.
 - Hạn chế đầu tư của Công ty:
 - Không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
 - Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu.
 - Không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

21

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 05 tháng 3 năm 2008 là ngày cấp Giấy chứng nhận thành lập công ty chứng khoán và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 334/2016-TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính

Ban thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

22

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2.1. Nguyên tắc phân loại và ghi nhận tài sản tài chính (FVTPL, HTM, các khoản cho vay, AFS):

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu, bao gồm các loại sau:

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Khoản đầu tư được phân loại là giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.2. Nguyên tắc phân loại nợ tài chính:

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

2.4. Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính, hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao, và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mé Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng chưa ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phân ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu thanh toán.

2.5. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư nhận thế chấp

Công ty nhận các tài sản đầu tư được thế chấp/cầm cố do Công ty quản lý để đảm bảo các khoản cho vay của Công ty.

Trong trường hợp bên đi vay không thực hiện đúng nghĩa vụ phải trả, Công ty sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của bên đi vay sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của bên đi vay bắt đầu quá hạn.

Các tài sản nhận thế chấp/cầm cố được theo dõi riêng và không trình bày trên Báo cáo tài chính.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

- Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính: Toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán (không qua các Sở Giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này phải theo dõi qua chỉ tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tài chính.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty chứng khoán phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tài chính.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác: phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.
 - Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
 - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay" trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

25

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí dịch vụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 năm đến 03 năm.

Chi phí dịch vụ

Chi phí dịch vụ cước mạng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

9. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**9.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà M&E Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - a. Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - b. Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

9.2. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH
 CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHỮ
 02/15/2018
 CÔNG TY
 CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG CHỮ
 C
 PHÚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các khách hàng vay tiền margin và có hợp đồng ký quỹ đảm bảo. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính.

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.

Công ty không có hoạt động tự doanh và chứng khoán của khách hàng mà Công ty nhận làm tài sản bảo đảm không được sử dụng, hoặc tái cầm cố, ký quỹ hoặc cho một bên thứ ba vay nên không gặp rủi ro thị trường.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.927.057.989	5.616.803.692
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.021.130.411	7.699.815.966
Cộng	26.948.188.400	13.316.619.658

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch (thực hiện trong năm (VND))
<i>Của công ty chứng khoán</i>	<i>12.000</i>	<i>2.247.000.000</i>
Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ	12.000	2.247.000.000
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
<i>Của người đầu tư</i>	<i>264.237.023</i>	<i>7.004.257.528.800</i>
Cổ phiếu & chứng chỉ quỹ	264.237.023	7.004.257.528.800
Trái phiếu	-	-
Chứng khoán khác	-	-
Cộng	264.249.023	7.006.504.528.800
3. Các khoản cho vay	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	1.000.000.000
Phải thu theo hợp đồng ký quỹ margin	42.969.000.000	54.862.000.000
Cộng	42.969.000.000	55.862.000.000
4. Các khoản phải thu		
Phải thu về tiền lãi của hợp đồng ký quỹ margin.		
5. Trả trước cho người bán		
Khoản trả trước cho Công ty TNHH MTV Giải pháp Phần mềm F&B về việc mua bản quyền phần mềm và triển khai phần mềm máy tính VSD-Gateway.		
6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn		
6a. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	92.415.535	-
Chi phí dịch vụ	47.712.794	4.884.880
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16.506.664	7.755.000
Cộng	156.634.993	12.639.880
6b. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	94.466.124	162.814.833
Chi phí sửa chữa	406.389.762	-
Chi phí dịch vụ	60.462.516	30.706.910
Cộng	561.318.402	193.521.743

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

30

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.498.176.224	2.243.951.006	3.742.127.230
Mua sắm mới	-	98.258.850	98.258.850
Số cuối năm	1.498.176.224	2.342.209.856	3.840.386.080
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.692.960.648	1.692.960.648
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.248.480.160	1.809.713.625	3.058.193.785
Khấu hao trong năm	187.272.024	183.884.806	371.156.830
Số cuối năm	1.435.752.184	1.993.598.431	3.429.350.615
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	249.696.064	434.237.381	683.933.445
Số cuối năm	62.424.040	348.611.425	411.035.465
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.566.646.000	2.374.145.991	192.500.009
Tăng trong năm	593.873.500	264.624.493	-
Số cuối năm (*)	3.160.519.500	2.638.770.484	521.749.016

(*) Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.216.646.000 VND.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Phần mềm hệ thống	444.039.000	139.834.500	(583.873.500)	-	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	414.500.000	-	(414.500.000)	-
Cộng	444.039.000	554.334.500	(583.873.500)	(414.500.000)	-

10. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

Ký quỹ thuê văn phòng ở tòa nhà Mê Linh Point Tower, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

11. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.220.166.167	2.229.836.610
Tiền nộp bổ sung	679.228.752	990.329.557
Số cuối năm	3.899.394.919	3.220.166.167

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

31

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm Chứng khoán Việt Nam	157.500.000	157.500.000
Công ty TNHH MTV Giải pháp Công nghệ Phúc Khang	24.999.999	147.500.000
Công ty TNHH Công nghệ Tầm Nhìn Xa	-	65.910.000
Các nhà cung cấp dịch vụ khác	-	60.841.999
Cộng	182.499.999	431.751.999

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.874	296.478	(300.352)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.659.205	496.019.677	(596.466.916)	3.211.966
Thuế thu nhập cá nhân	222.250.436	2.311.241.502	(2.233.816.642)	299.675.296
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	325.913.515	2.810.557.657	(2.833.583.910)	302.887.262

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ môi giới chứng khoán: Không chịu thuế
- Dịch vụ khác: 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.480.098.202	2.261.603.735
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	185	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.480.098.387	2.261.603.735
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	496.019.677	452.320.747

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí giao dịch sàn	81.924.053	154.347.636
Phí lưu ký chứng khoán và phí chuyển khoản	70.000.000	70.106.317
Các khoản chi phí khác	75.275.102	79.449.722
Cộng	227.199.155	303.903.675

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	19.677.390
Phải trả tiền hoàn phí giao dịch	66.243.461	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.160.602	12.949.033
Cộng	73.404.063	32.626.423

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Nguyễn Thị Cẩm Viên	29.750.000.000	29.750.000.000
Ông Mai Thanh Trường	7.700.000.000	7.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	14.340.000.000	14.340.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên	5.500.000.000	5.500.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Tranh	3.810.000.000	3.810.000.000
Bà Hồ Trần Ngọc Anh	5.450.000.000	5.450.000.000
Bà Dương Thị Khánh Chân	3.450.000.000	3.450.000.000
Cộng	70.000.000.000	70.000.000.000

16b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16c. Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối cuối năm là 5.369.126.950 VND (số đầu năm là 3.385.048.425 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngõ Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản-thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16d. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm nay	Năm trước
Lãi đã thực hiện chưa phân phối lũy kế đầu năm	3.385.048.425	5.075.765.437
Lỗ chưa thực hiện lũy kế đầu năm	-	-
Lãi đã thực hiện trong năm	1.984.078.525	1.809.282.988
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông tính đến ngày cuối năm	5.369.126.950	6.885.048.425
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	-	-
Số lãi phân phối cho cổ đông	-	3.500.000.000
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	-	(149.000.000)
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông	-	3.351.000.000

17. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	Số lượng cuối năm	Số lượng đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	44.194.154	46.632.464
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	113.600.594	106.646.180
Tài sản tài chính phong tỏa, giam giữ	13.529.815	13.234.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	318.340	154.020
Cộng	171.642.903	166.666.664

18. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số lượng cuối năm	Số lượng đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	44.652	44.660
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	472
Cộng	44.652	45.132

19. Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.851.166.524	1.195.210.992
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	5.826.141.500	1.434.111.800
Cộng	9.677.308.024	2.629.322.792

20. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý số cuối năm là 9.677.308.024 VND (số đầu năm là 2.629.322.792 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

Doanh thu từ hoạt động cho vay margin và ứng trước tiền bán chứng khoán.

2. Doanh thu hoạt động khác

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu môi giới chứng khoán	11.274.995.435	11.290.485.900
Doanh thu ban đầu	12.209.315.577	12.355.807.152
Các khoản giảm trừ	(934.320.142)	(1.065.321.252)
Doanh thu thuần	11.274.995.435	11.290.485.900
Doanh thu lưu ký chứng khoán	846.797.717	745.205.879
Doanh thu khác	7.114.212	5.559.253
Cộng	12.128.907.364	12.041.251.032

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan</i>		
Phí giao dịch chứng khoán	1.456.305.195	615.235.396
Hoàn phí giao dịch chứng khoán	(47.849.166)	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành</i>		
Phí giao dịch chứng khoán	163.754.447	1.887.666.110
Hoàn phí giao dịch chứng khoán	(32.750.891)	(378.860.246)
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên</i>		
Phí giao dịch chứng khoán	1.471.050.859	1.319.986.539
Hoàn phí giao dịch chứng khoán	(294.210.172)	(264.265.359)

3. Chi phí hoạt động

	Năm nay	Năm trước
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	6.600.000	-
Phí môi giới chứng khoán	2.426.866.937	3.836.635.050
Phí lưu ký chứng khoán	898.828.967	810.608.458
Cộng	3.332.295.904	4.647.243.508

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	68.666.433	192.851.388
Lãi ký quỹ thanh toán	178.822.370	-
Cộng	247.488.803	192.851.388

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

35

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.876.946.830	3.272.187.161
Chi phí công cụ, dụng cụ	241.998.799	84.690.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	635.781.323	359.632.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.352.601.209	2.481.940.169
Các chi phí khác	1.700.006.040	924.639.879
Cộng	8.807.334.201	7.123.090.101

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.984.078.525	1.809.282.988
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.984.078.525	1.809.282.988
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	283	258

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Ghi chú
- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành	Không có
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi Lũy kế chưa được ghi nhận	Không có
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	Không có

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

36

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mễ Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VII.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch ứng trước tiền bán chứng khoán cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là 19.023.000.000 VND (số năm trước là 0 VND).

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	965.546.095	664.029.279
Bảo hiểm	15.768.576	16.221.900
Tiền thưởng, tiền phép	134.710.137	112.390.085
Cộng	1.116.024.808	792.641.264

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	Cổ đồng góp vốn
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên	Cổ đồng góp vốn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VII.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành		
Cổ tức phải trả		245.000.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán	9.209.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên		
Cổ tức phải trả		275.000.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán	50.077.000.000	

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thuế hoạt động

Tổng số tiền thuế tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.594.080.000	1.412.936.436
Trên 01 năm đến 05 năm	2.523.960.000	824.212.921
Cộng	4.118.040.000	2.237.149.357

Công ty thuê văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2018

Mai Thị Vân
Người lập biểu

Phạm Văn Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Cẩm Viên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

CHỦ TỊCH HĐQT/TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN